CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

THỜI GIAN THU THẬP, NGHIỆM THU, NHẬP TIN, XỬ LÝ, BÁO CÁO CÁC CUỘC ĐIỀU TRA TRONG NĂM 2025
(Cuộc Tổng ĐTNN 2025 được xây dựng chi tiết riêng)

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản																																	
1	Điều tra lâm nghiệp năm 01/01/2025 (ĐT tháng 01), 26/26 huyện, tx, tp. **Phiếu giấy.**	X	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	CM	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	N tin	N tin	N tin	N tin	XL	XL	XL	XL	NT	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Thành
	Xử lý, BC tháng 02/2025	Tết	Tết	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL		**BC**												X	X	X	
2	Điều tra chăn nuôi quý (tháng 01, 4, 7, 10) gồm điều tra, nghiệm thu các cấp; 26/26 huyện, tx, tp. Riêng kỳ 01/01 nghỉ Tết từ 24/01 đến 02/02.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT		Thơ
	Xử lý, tổng hợp, BC trong tháng 02,5,8,11)	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**															

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
3	Điều tra thủy sản tháng (6 huyện ven biển và tp Thanh Hóa)	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	Thành
	Xử lý, tổng hợp, BC tháng sau tháng điều tra.	NT	NT	NT	NT	NT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**										
	Điều tra thủy sản 01/6 và 01/12 (ĐT tháng 6 và 12); 26/26 huyện, tx, tp.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	CM	CM	CM	CM	CM	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	XL	XL	XL	**BC**		
	Điều tra DT cây vụ đông 2025 (ĐT 21/11-30/11/2025); 26/26 huyện, tx, tp. **Phiếu giấy.**																					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT		Sơn
	NT, nhập tin tháng 12/2025	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	
	XL, BC tháng 01/2026	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**										

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
4	Điều tra DT vụ chiêm (ĐT 15/3-25/3/2025); 26/26 huyện, tx, tp. **Phiếu giấy.**															ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	Sơn
	NT, nhập tin, BC tháng 4.	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**	**X**	
	Điều tra DT vụ mùa (ĐT 10/7-20/7/2025); 26/26 huyện, tx, tp. **Phiếu giấy.**										ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	Sơn
	Nhập tin, XL, BC tháng 8	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**										
	Điều tra DT cây lâu năm (ĐT 01/11-10/11/2025; NT, nhập tin tháng 11); 26/26 huyện, tx, tp. **Phiếu giấy.**	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin	N tin		Sơn
	XL, BC tháng 12/2025.	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**															

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
5	Điều tra NSSL vụ đông 2025 (ĐT 02/01-20/01/2025); chọn mẫu cây trọng điểm.		ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT		Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Sơn
	XL, BC tháng 02; BC 17/02/2025)	Tết	Tết	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**															
	Điều tra NSSL vụ chiêm (ĐT 01-20/6/2025; ngoài cây lúa 26/26 huyện, tx, tp; còn lại chọn mẫu cây trọng điểm.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	**X**	Sơn
	XL cấp tỉnh, BC tháng 7	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**															
	Điều tra NSSL vụ mùa (ĐT 01-20/10/2025; ngoài cây lúa 26/26 huyện, tx, tp; còn lại chọn mẫu cây trọng điểm.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	Sơn
	XL cấp tỉnh, BC tháng 11	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**														**X**	

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	Điều tra NSSL cây lâu năm (ĐT 01/12-20/12/2025); chọn mẫu cây trọng điểm.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	Sơn
	XL, BC tháng 01/2026	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**															
Lĩnh vực CN, XD, Vốn đầu tư thực hiện và doanh nghiệp																																	
6	Điều tra SX công nghiệp tháng (IIP); 26/26 huyện, tx, tp.								ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	XL	**BC**										Lan, Diệp
	ĐT xu hướng quý SXKD ngành chế biến, chế tạo khu vực DN (tháng 3, 6, 9 và 12)								ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	XL	**BC**									
7	Điều tra xây dựng quý, 26/26 huyện, tx, tp (khu vực hộ tại các tháng 3,6,9,11).	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	NT	NT	XL	**BC**										Diệp
	Khu vực DN tại các tháng 3, 6, 9, 11								ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	XL											

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	Điều tra xây dựng năm, 26/26 huyện, tx, tp (ĐT tháng 02-3)					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	**X**	**X**	**X**	Diệp
	Tháng 3	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	
	Tháng 4: NT, xử lý, tổng hợp, BC	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**																
8	Điều tra vốn đầu tư quý, 26/26 huyện, tx, tp (khu vực hộ, trang trại tại các tháng 3,6,9,11). Địa bàn trùng với địa bàn ĐTXD.	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	NT	NT	XL	**BC**										Lan
	Khu vực DN tại các tháng 3, 6, 9, 11								ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	XL											
	Điều tra vốn đầu tư năm, 26/26 huyện, tx, tp (ĐT tháng 02-3), trùng với ĐT xây dựng năm.					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	**X**	**X**	**X**	Lan
	Tháng 3	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
	Tháng 4: NT, xử lý, tổng hợp, BC cùng với nghiệm thu phiếu Sở Tài chính.	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	**BC**		
9	**Điều tra DN (ĐT 01/4-30/6)**	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT		Thế, Hồng
	Tháng 5	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	
	Tháng 6	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT		
	Tháng 7 (xử lý, đối chiếu với dữ liệu Cơ quan Thuế và nghiệm thu các cấp)	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	**BC**	
Lĩnh vực TM - DV																																	
10	Điều tra thương mại và dịch vụ 2025; 26/26 huyện, tx, tp.								ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	XL	**BC**										Hương,Thanh

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															CC /P. trách
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
11	Điều tra chi tiêu khách du lịch, khách quốc tế đến VN năm 2025, 26/26 huyện, tx, tp (từ 01-10/10, 11, 12/2025 đối khách VN; đối với khách quốc tế đến VN trong tháng 10/2025)	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT							Hồng
12	Điều tra sản xuất KD cá thể năm 2024 (ĐT					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Tết	Hồng
		Tết	Tết	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	X	X	X	
	Tháng 3 xử lý, tháng 4 BC TW	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	BC	
Lĩnh vực điều tra giá																																	
13	Điều tra giá tiêu dùng (thời kỳ 2020 -2025) gồm 6 đơn vị:	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT			ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT											Hồng
		TH	NS	TP	NC	NL, CT			TH	NS	TP	NC	NL, CT					TH	NS	TP	NC	NL, CT											
	Điều tra giá tiêu dùng (thời kỳ 2025 -2030) gồm 6 đơn vị:	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT			ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT											
		TH	NS	TP	NC	NL, CT			TH	NS	TP	NC	NL, CT					TH	NS	TP	NC	NL, CT											

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	CC /P. trách
14	Điều tra giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, gồm 5 đơn vị: TpTH, CT, NS, HH, YĐ - (từ tháng 1-6/2025 ĐT bằng phiếu giấy, từ tháng 7/2025 trở đi ĐT bằng phiếu điện tử)					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	**N. tin**	**N. tin**	XL	XL	XL	XL	XL														Hương
15	Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; gồm 7 đơn vị: CT, QS, NL, YĐ, TH, HL, NS					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL														Hồng
16	Điều tra giá sản xuất dịch vụ; 24/26 đơn vị (trừ ML, BT)					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL														Thanh
17	Điều tra giá sản xuất công nghiệp 24/27 đơn vị (trừ ML, QS, LC)					ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL														Khải
Lĩnh vực xã hội																																		

STT	Tên nội dung các cuộc điều tra	Ngày trong tháng																															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	CC /P. trách
18	Rà soát bảng kê (tháng 3)	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK	BK												Xuân
	Điều tra BDDS và KHHGĐ thời điểm 01/4/2025, 26/26 huyện, tx, tp (tháng 4)	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	X	
	Nghiệm thu và xử lý trong tháng 5/2025	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT	NT		
19	Điều tra LĐVLtháng (26/26 huyện, tx, tp)	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL	XL																	Xuân
20	Khảo sát mức sống hộ dân cư - 25/26 huyện, tx, tp - trừ ML (4 kỳ: tháng 01, 4, 7, 10 rà soát; khảo sát tháng 02, 5, 8 và 11).	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	ĐT	XL	XL	XL	XL	XL	XL	Xuân

Viết tắt: ĐT: Ngày thực hiện điều tra

NT: Nghiệm thu

N tin: Ngày nhập tin

XL: Ngày xử lý, bổ sung xác minh số liệu

BC: Ngày chuyển dữ liệu cho các phòng chuyên môn và truyền ra TW

BK: Bảng kê.

Ghi chú: Riêng điều tra diện tích và NSSL cây nông nghiệp hằng năm sẽ căn cứ vào thực tế kết thúc vụ gieo trồng và thu hoạch để xây dựng KH cụ thể.